

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 399/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Minh Chiến

Ông Hồ Xuân Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đình Dân – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 264/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1948/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Anh **Ninh Văn G** sinh năm 1992; trú tại: **Tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**, có mặt.

\* **Bị đơn:** Chị **Phạm Như Q** sinh năm 1999; trú tại: **Tổ T, khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định**, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh **Ninh Văn G** trình bày: Anh và chị **Q** có tìm hiểu một vài tháng đi đến chung sống với nhau như vợ chồng đến khi chị **Q** có thai thì anh và chị **Q** tự nguyện tổ chức lễ cưới đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai** ngày 19/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh phát hiện chị **Q** có tình cảm yêu

đương với người đàn ông khác, không chung thủy với chồng. Anh nhiều lần động viên, nhắc nhở thuyết phục chị Q để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng vẫn không được. Và từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xung đột, không tìm được tiếng nói chung và tự chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Anh không thể chấp nhận cuộc sống như thế nên yêu cầu ly hôn với chị Q.

Vợ chồng anh có 02 người con chung tên Ninh Trung K sinh ngày 06/3/2017, Ninh Trung N sinh ngày 04/10/2018 đang ở với chị Q. Tại biên bản ghi lời khai, anh tự nguyện giao 02 con chung cho chị Q nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh G thay đổi yêu cầu được nuôi 01 trong 02 người con, và giao người con còn lại cho chị Q nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, anh với chị Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Phạm Như Q trình bày:* Chị với anh Ninh Văn G tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai ngày 19/6/2017. Sau khi kết hôn, chị ở lại quê nhà Bình Định, anh G vào tỉnh Đồng Nai lập nghiệp. Lúc đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng sau đó vợ chồng hàn gắn. Mặc khác, do hai vợ chồng không ở chung với nhau lâu ngày tình cảm chần gối lạnh nhạt. Tháng 6/2023, chị phát hiện anh G có tình cảm yêu đương nam nữ với người khác, chị tìm cách động viên, vun đắp hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng 6/2023, chị và anh G chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Chị đồng ý ly hôn với anh G.

Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Ninh Trung K sinh ngày 06/3/2017, Ninh Trung N sinh ngày 04/10/2018 đang ở với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Chị thống nhất với yêu cầu của anh G, tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tranh chấp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ninh Văn G và chị Phạm Như Q; giao 02 người con chung Ninh Trung K sinh ngày 06/3/2017, Ninh Trung N sinh ngày 04/10/2018 cho chị Phạm Như Q trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Như Q không yêu cầu anh Ninh Văn G cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu giải



quyết nên không xét; buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh **Ninh Văn G** khởi kiện yêu cầu ly hôn chị **Phạm Như Q** đang cư trú tại **thị xã A, tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **Phạm Như Q** được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **Q**

[3] Anh **Ninh Văn G** và chị **Phạm Như Q** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã A** và được **UBND xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/6/2017 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4] Cả anh **G** và chị **Q** đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ sự bất đồng quan điểm, tính tình trái ngược nhau nên dẫn đến xung đột, kinh cãi và cả hai tìm cách vùng vấp hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả cho đến tháng 6/2023 chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Quá trình giải quyết vụ án hai anh chị xác định không còn tình cảm với nhau nên thống nhất ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh **G** và chị **Q** là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng và phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Cả anh **G** và chị **Q** đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Thấy rằng, tháng 6/2023 khi anh **G** và chị **Q** chấm dứt cuộc sống chung cả hai người con chung **Ninh Trung K** sinh ngày 06/3/2017, **Ninh Trung N** sinh ngày 04/10/2018 được chị **Q** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu đã gắn kết tình cảm anh em, thích nghi với môi trường sinh hoạt, học tập và phát triển về tâm sinh lý bình thường. Để đảm bảo quyền lợi ích tốt nhất cho 02 cháu nên giao 02 người con chung cho chị **Q** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị **Q** không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[7] Tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh **Ninh Văn G**, chị **Phạm Như Q** mỗi người phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Ninh Văn G** và chị **Phạm Như Q**.

2. *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:*

Giao 02 người con chung tên **Ninh Trung K** sinh ngày 06/3/2017, **Ninh Trung N** sinh ngày 04/10/2018 cho chị **Phạm Như Q** trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị **Phạm Như Q** không yêu cầu anh **Ninh Văn G** cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

3. *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Anh **Ninh Văn G** phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001975 ngày 13 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Hoàn trả cho anh **Ninh Văn G** 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Chị **Phạm Như Q** phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng

5. *Quyền kháng cáo:* Anh **Ninh Văn G** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị **Phạm Như Q**

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

6. *Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:* Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã An Trung;
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Quang**